

Bản án số: 21/2022/HS-ST

Ngày: 31-03-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đức và ông Nguyễn Kim Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 03 năm 2022; đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ L

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20/4/1989

Tại Đà Nẵng. Giới tính: Nữ.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 09, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện nay: K90/10 Nguyễn Phan V, tổ 69, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn C, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con út; có chồng tên

Phạm Đình T, sinh năm 1986. Bị cáo có 05 người con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

- Tiền án: Tháng 8 năm 2010, bị Tòa án nhân dân quận S tuyên phạt 42 tháng tù giam về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (đang được hoãn thi hành án do nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi).

- Tiền sự: Chưa.

- Bị cáo hiện đang tại ngoại. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Đỗ Phạm Đức N**, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 04 Lê Cảnh T, tổ 85, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

+ Bà **Trương Thị Anh H**, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 80, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

+ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 27, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

+ Ông **Dương Văn P**, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 89, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

- *Người chứng kiến:* Bà **Trương Thị Anh H**, sinh năm 1986; địa chỉ: Lô 51-52 Hồ Hán T, phường Nại Hiên Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 21/10/2021, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an quận S phối hợp với Công an phường N tiến hành kiểm tra hành chính tại Phòng 303 Khách sạn C, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng có mặt Nguyễn Thị L và Đỗ Phạm Đức N. Qua kiểm tra phát hiện, tại bàn để tivi gần cửa sổ trong phòng có 01 gói ni lông kích thước khoảng (5x8)cm, bên trong có chứa chất rắn, dạng tinh thể màu trắng và một số dụng cụ khác có liên quan nên tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và tạm giữ tang vật.

Tang vật tạm giữ:

- 01 gói ni lông, kích thước khoảng (5x8)cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Ký hiệu niêm phong: L.
- 01 cân tiểu ly điện tử màu xanh đen.
- 05 gói ni lông, kích thước (4x4)cm và 05 gói ni lông, kích thước (2x2)cm, bên trong không chứa gì.
- 04 nổ thủy tinh và 01 bật lửa màu xanh
- 01 xe mô tô mang BKS 43E-556.19.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số imei: 355036112655621 có gắn sim số 0931272552.
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen xanh gắn sim số 0907435243, số Imei 1: 860163041238358, số Imei 2: 860163041238341.

Qua điều tra xác định: Ngày 18/10/2021, để có ma túy sử dụng cho nhu cầu của bản thân, Nguyễn Thị L đã dùng số điện thoại 0931272552 liên hệ của một người thanh niên tên B (không rõ nhân thân lai lịch ở quận C) hỏi mua 05 gam ma túy với giá 3.500.000 đồng. B đồng ý và hẹn L đến đường Hồ Hán T, quận S để giao dịch mua bán ma túy. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô hiệu Sirius BKS 43E1-556.19 đi đến điểm hẹn với B thì có một nam thanh niên điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không nhớ rõ BKS vì trời tối) đến và giao 01 gói ni lông bên trong chứa ma túy đá cho L và L đưa cho người thanh niên này số tiền 3.500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, L mang số ma túy nói trên về phòng 303, Khách sạn C (Phòng của L thuê từ tháng 7 năm 2021) cất giấu và mỗi ngày lấy ra một ít để sử dụng. Khoảng 20 giờ ngày 20/10/2021, L sử dụng số điện thoại 0931272552 gọi cho Đỗ Phạm Đức N rủ N đến phòng 303, Khách sạn C để cùng sử dụng ma túy, N đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, N đến phòng của Luận và cả hai cùng sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy thì cả hai đi ngủ. Đến 10 giờ ngày 21/10/2021, thì bị lực lượng công an kiểm tra phát hiện 01 gói ni lông kích thước khoảng (5x8)cm, bên trong có chứa số ma túy còn lại mà L cất giấu để sử dụng dần nên tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, tạm giữ tang vật.

Theo biên bản xét nghiệm chất ma túy vào ngày 21/10/2021, Nguyễn Thị L và Đỗ Phạm Đức N dương tính với ma túy tổng hợp.

Qua xác minh làm rõ: Nguyễn Thị L không phải đối tượng nghiện ma túy còn Nghĩa là đối tượng nghiện ma túy.

Theo Kết luận giám định số 252/GĐ-MT ngày 27/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an thành phố Đà Nẵng thì: Tinh thể rắn, màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu L gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng tinh thể mẫu L: 4,044 gam

** Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến đã được công bố tại phiên tòa có nội dung phù hợp với lời khai của bị cáo.*

Bản cáo trạng số: 27/CT- VKS-ST ngày 02/03/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo: Nguyễn Thị L về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm a, c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị HĐXX:

- Căn cứ: Điểm a, c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS;

Xử phạt: Nguyễn Thị L từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù, về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị L từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù, về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ: Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là: 06 (Sáu) năm đến 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Do không xác minh được tài sản riêng của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số: 252/GĐ-MT ngày 27/10/2021 của Phòng khoa học hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng, bên trong có chứa 3,705 gam ma túy loại Methamphetamine là khối lượng còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói; 04 nổ thủy tinh; 01 bật lửa màu xanh; 01 cân tiểu ly điện tử màu xanh - đen; 05 gói ni lông dạng túi zip, kích thước (04x04)cm và 05 gói ni lông, dạng túi zip, kích thước (02x02)cm, bên trong không chứa gì.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số imei: 355036112655621, gắn sim số 0931272552, trên sim có dãy số: 8401-2011-3323-2632 của Nguyễn Thị L.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9, màu xanh – đen, số imei 1: 860163041238358, số imei 2: 860163041238341, gắn sim số 0907435243, trên sim có dãy số: 8401-2002-3338-1882 của Đỗ Phạm Đức Nghĩa.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh L gì với phần L tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến cũng như các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết L: Khoảng 19 giờ ngày 18/10/2021, để có ma túy sử dụng cho nhu cầu của bản thân, Nguyễn Thị L đã liên hệ với người thanh niên tên B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để mua 3.500.000 đồng ma túy, loại Methamphetamine. Sau khi mua được ma túy, L mang về cất giấu tại phòng 303, Khách sạn C thuộc phường N, quận S, TP. Đà Nẵng và mỗi ngày lấy ra một ít để sử dụng. Khoảng 20 giờ ngày 20/10/2021, Luận điện thoại rủ Đỗ Phạm Đức N đến phòng Khách sạn của Luận thuê để sử dụng ma túy. Khi Nghĩa tới, cả hai cùng sử dụng ma túy. Đến 10 giờ ngày 21/10/2021 thì bị lực lượng công an bắt quả tang, tạm giữ 4,044 gam ma túy, loại Methamphetamine của L cất giấu với mục đích sử dụng dần nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm a, c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng số: 27/CT- VKS-ST ngày 02/03/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án thì thấy: Ma túy là một loại độc dược gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, vì vậy nhà nước ta nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt sử dụng trái phép các chất ma túy, nếu ai vi phạm một trong các quy định trên, gây hậu quả nghiêm trọng đều bị pháp luật trừng trị và xử lý. Bị cáo Nguyễn Thị L nhận thức được điều đó, song để phục vụ cho nhu cầu bản thân, bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật, mua ma túy về sử dụng dụng và tổ chức cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý

các chất ma túy của nhà nước, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời còn xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe con người và lan tràn tệ nạn nghiện hút.

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này, bị cáo là người mua ma túy của tên B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) về cất giữ tại phòng 303 của Khách sạn C – nơi bị cáo thuê để sử dụng. Đồng thời, bị cáo còn là người rủ rê, cung cấp ma túy, chuẩn bị công cụ để cho Đỗ Phạm Đức N sử dụng trái phép chất ma túy nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy:

[5.1]. Về tình tiết tăng nặng: Nguyễn Thị L có 01 tiền án về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, cần vận dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Do không xác minh được tài sản riêng của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[7]. Về xử lý vật chứng:

[7.1]. Đối với 01 phong bì niêm phong số: 252/GĐ-MT ngày 27/10/2021 của Phòng khoa học hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng, bên trong có chứa 3,705 gam ma túy loại Methamphetamine là khối lượng còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói; 04 vỏ thủy tinh; 01 bật lửa màu xanh; 01 cân tiểu ly điện tử màu xanh - đen; 05 gói ni lông dạng túi zip, kích thước (04x04)cm và 05 gói ni lông,

dạng túi zip, kích thước (02x02)cm, bên trong không chứa gì – Là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2]. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số imei: 355036112655621, gắn sim số 0931272552, trên sim có dãy số: 8401-2011-3323-2632 của Nguyễn Thị L và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9, màu xanh – đen, số imei 1: 860163041238358, số imei 2: 860163041238341, gắn sim số 0907435243, trên sim có dãy số: 8401-2002-3338-1882 của Đỗ Phạm Đức N - Là phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(Toàn bộ số vật chứng này hiện nay do Chi cục Thi hành án quận S, TP. Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/03/2022).

[7.3]. Đối với Đỗ Phạm Đức N: N không tham gia vào việc chuẩn bị ma túy, công cụ, địa điểm, phương tiện phục vụ cho việc sử dụng ma túy và cũng không góp tiền cho L để được sử dụng ma túy. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của N đã bị Tòa án nhân dân quận S ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là có cơ sở.

[7.4]. Đối với bà Trương Thị Anh H là chủ Khách sạn C nơi L thuê phòng nhưng bà H không biết việc L sử dụng và tàng trữ trái phép chất ma túy tại khách sạn của mình nên Cơ quan CSĐT – Công an quận S không đề cập xử lý là có căn cứ.

[7.5]. Đối với người thanh niên tên B bán ma túy cho L hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an quận S tách ra, tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau là có cơ sở.

[7.6]. Đối với Nguyễn Thị H: Khi cho L mượn xe BKS 43E-556.19, chị H (chị ruột của L) không biết L sử dụng xe vào mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận S không đề cập xử lý và đã trả lại xe mô tô trên cho chị H là phù hợp.

Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị L** phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1. Căn cứ: Điểm a, c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thị L **02 (Hai)** năm **06 (Sáu)** tháng tù, về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

1.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị L **03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù, về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.3. Căn cứ: Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là: **06 (Sáu)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS;

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số: 252/GĐ-MT ngày 27/10/2021 của Phòng khoa học hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng, bên trong có chứa 3,705 gam ma túy loại Methamphetamine là khối lượng còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói; 04 nỏ thủy tinh; 01 bật lửa màu xanh; 01 cân tiểu ly điện tử màu xanh - đen; 05 gói ni lông dạng túi zip, kích thước (04x04)cm và 05 gói ni lông, dạng túi zip, kích thước (02x02)cm, bên trong không chứa gì.

2.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số imei: 355036112655621, gắn sim số 0931272552, trên sim có dãy số: 8401-2011-3323-2632 của Nguyễn Thị L.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9, màu xanh – đen, số imei 1: 860163041238358, số imei 2: 860163041238341, gắn sim số 0907435243, trên sim có dãy số: 8401-2002-3338-1882 của Đỗ Phạm Đức N.

(Toàn bộ số vật chứng này hiện nay do Chi cục Thi hành án quận S, TP. Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/03/2022).

3/ Án phí HS-ST: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đông Thanh